

Extrait chapitre 8

narrateur / **rose** / **petit prince**

un seul verre d'eau pour les deux roses

J'appris bien vite à mieux connaître cette fleur. Il y avait toujours eu, sur la planète du petit prince, des fleurs très simples, ornées d'un seul rang de pétales, et qui ne tenaient point de place, et qui ne dérangeaient personne.

Tôi đã nhanh chóng hiểu thêm nhiều điều về bông hoa ấy. Trên hành tinh của hoàng tử bé luôn có những bông hoa rất đơn giản, chỉ một vòng cánh, khép nép mọc chẳng quấy rầy ai.

Elles apparaissaient un matin dans l'herbe, et puis elles s'éteignaient le soir.

Chúng nở ra giữa đám cỏ xanh lúc sáng sớm, rồi lại lụi tàn đi khi đêm về.

Mais celle-là avait germé un jour, d'une graine apportée d'on ne sait où, et le petit prince avait surveillé de très près cette brindille qui ne ressemblait pas aux autres brindilles. Ça

pouvait être un nouveau genre de baobab. Mais l'arbuste cessa vite de croître, et commença de préparer une fleur. Le petit prince, qui assistait à l'installation d'un bouton énorme, sentait bien qu'il en sortirait une apparition miraculeuse, mais la fleur n'en finissait pas de se préparer à être belle, à l'abri de sa chambre verte. Elle choisissait avec soin ses couleurs. Elle s'habillait lentement, elle ajustait un à un ses pétales. Elle ne voulait pas sortir toute fripée comme les coquelicots. Elle ne voulait apparaître que dans le plein rayonnement de sa beauté.

Còn bông hoa kia, một ngày nọ bỗng nảy ra từ một hạt mầm không biết từ đâu đến, và hoàng tử bé đã cẩn trọng chú ý ngay từ đầu vì trông nó khác hẳn các loại cây đã có. Có thể đó là một thứ bao báp mới. Thế nhưng, chẳng bao lâu sau bụi cây đã ngừng lớn và chuẩn bị ra hoa. Hoàng tử bé nghĩ rằng, với chiếc nụ thật to, nó sẽ nở ra rất rực rỡ, còn bông hoa thì vẫn không ngừng tô điểm thêm nhan sắc, bên trong căn phòng xanh khép kín của mình. Nó lựa thật kỹ từng nước màu. Nó chậm rãi khoác từng vạt áo, làm đầy đặn thêm từng cánh hoa. Nó không muốn nở ra nhũn nhúm như đám hoa mĩ nhân. Nó chỉ muốn xuất hiện trong ánh hào quang rực rỡ của một sắc đẹp đầy đặn.

[ton] Eh ! Oui. Elle était très coquette !

[ton] Quả là một bông hoa đom đóm!

Sa toilette mystérieuse avait donc duré des jours et des jours. Et puis voici qu'un matin, justement à l'heure du lever du soleil, elle s'était montrée. Et elle, qui avait travaillé avec tant de précision, dit en bâillant :

Cuộc trang điểm bí ảo đó kéo dài hết ngày này qua ngày nọ. Cho đến một buổi sáng, ngay khi mặt trời mọc, nó mới chịu nở ra. Rồi, sau khi đã làm việc hết sức tỉ mỉ, nó vừa ngáp dài vừa nói:

- Ah ! Je me réveille à peine... Je vous demande pardon... Je suis encore toute décoiffée...

- A! Tôi dậy muộn quá... Xin bạn bỏ qua cho... Đầu tóc tôi còn rối bù... (...)

- Que vous êtes belle !

- Bạn đẹp quá!

- Vậy sao? (...) Tôi sinh ra cùng với mặt trời đó...

- N'est-ce pas ? (...) Et je suis née en même temps que le soleil...

Le petit prince devina bien qu'elle n'était pas trop modeste, mais elle était si émouvante !

Hoàng tử bé đoán ngay ra rằng bông hoa này chẳng mấy khiêm nhường, nhưng có lẽ bây giờ nó còn đang xúc động.

- C'est l'heure, je crois, du petit déjeuner, (...) Auriez-vous la bonté de penser à moi...

- Tôi nghĩ rằng đã đến giờ ăn sáng, (...) Bạn có vui lòng nghĩ đến tôi một chút...

[Pendant que le narrateur parle, un des deux petits princes va vers l'une des deux fleurs pour lui donner un verre d'eau, il hésite entre les deux, demande du regard au public laquelle, tend le verre à l'une et le donne finalement à l'autre, qui y pose à peine les lèvres... l'autre fait mine d'être jalouse]

Et le petit prince, tout confus, ayant été chercher un arrosoir d'eau fraîche, avait servi la fleur.

Ainsi l'avait-elle bien vite tourmenté par sa vanité un peu ombrageuse. Un jour, par exemple, parlant de ses quatre épines, elle avait dit au petit prince :

Thế là, hoàng tử bé lúng túng chạy đi tìm chiếc bình tưới, múc đầy nước để tưới cho bông hoa. Cứ như thế bông hoa đã mau chóng làm tình làm tội hoàng tử bé bằng tính kiêu kì đỏng đảnh của mình. Ví như một ngày nọ, nhân nói chuyện về bốn chiếc gai mang trên mình, nó nói với hoàng tử bé:

[La fleur repose son verre d'eau]

- Ils peuvent venir, les tigres, avec leurs griffes !

- Bọn hổ, chúng có thể tới đây, với đầy móng vuốt!

- Hành tinh của tôi đâu có hổ, (...) mà hổ đâu có ăn cỏ.

- Il n'y a pas de tigres sur ma planète, (...) et puis les tigres ne mangent pas l'herbe.

- Je ne suis pas une herbe (...)

- Tôi không phải là cỏ (...)

- Xin lỗi bạn...

- Pardonnez-moi...

- Je ne crains rien des tigres, mais j'ai horreur des courants d'air. Vous n'auriez pas un paravent ?

- Tôi thì chẳng sợ gì hử, nhưng tôi rất ghét gió máy. Bạn không có tấm chắn gió nào à?

[pensif] "Horreur des courants d'air... ce n'est pas de chance, pour une plante, (...) Cette fleur est bien compliquée..."

[pensif] "Ghét gió máy... Thật là chẳng may cho một loài cây, (...) Bông hoa này thật rắc rối..."

- Buổi tối bạn cần cho tôi vào lồng kính. Chỗ của bạn lạnh quá. Thật là khó sống. Chứ ở chỗ tôi hồi đó...

[La fleur vietnamienne met la main à sa bouche comme quelqu'un qui a dit une bêtise...]

- **Le soir vous me mettez sous globe. Il fait très froid chez vous. C'est mal installé. Là d'où je viens...**

[La fleur française met la main à sa bouche comme quelqu'un qui a dit une bêtise... Les deux fleurs se regardent avec les yeux ronds comme prises en faute]

Mais elle s'était interrompue. Elle était venue sous forme de graine. Elle n'avait rien pu connaître des autres mondes.

Humiliée de s'être laissé surprendre à préparer un mensonge aussi naïf, elle avait toussé deux ou trois fois, pour mettre le petit prince dans son tort :

Nó chợt ngưng bật. Nó đã đến đây khi còn nằm trong hạt. Nó không thể biết được thế giới bên ngoài khi đó như thế nào. Ngượng ngùng vì đã toan nói dối một cách ngây ngô như vậy, nó ho lên hai ba tiếng nhằm đánh trống lảng:

- Ce paravent ?...

- Tấm chắn gió?...

- J'allais le chercher mais vous me parliez !

- Tôi đã định đi lấy nhưng bạn lại nói chuyện.

Alors elle avait forcé sa toux pour lui infliger quand même des remords.

Ainsi le petit prince, malgré la bonne volonté de son amour, avait vite douté d'elle. Il avait pris au sérieux des mots sans importance, et était devenu très malheureux.

Bông hoa lại ho thêm mấy tiếng nữa hòng làm cho hoàng tử bé cảm thấy rằng chính cậu đã có lỗi.

Thế là, dù có tình cảm quý mến chân thành, hoàng tử bé vẫn nhanh chóng hồ nghi bông hoa. Cậu để ý đến cả những lời nói vu vơ của nó, và trở nên rất buồn khổ.

"J'aurais dû ne pas l'écouter, (...) il ne faut jamais écouter les fleurs. Il faut les regarder et les respirer. La mienne embaumait ma planète, mais je ne savais pas m'en réjouir. Cette histoire de griffes, qui m'avait tellement agacé, eût dû m'attendrir..." (...)

"Je n'ai alors rien su comprendre J'aurais dû la juger sur les actes et non sur les mots. Elle m'embaumait et m'éclairait. Je n'aurais jamais dû m'enfuir ! J'aurais dû deviner sa tendresse derrière ses pauvres ruses.

- Lẽ ra cháu không nên nghe bạn ấy, (...) đừng bao giờ nghe các bông hoa. Chỉ nên ngắm và ngửi chúng mà thôi. Bông hoa của cháu làm cho cả hành tinh thơm ngát, nhưng cháu đã không biết thưởng thức điều đó. Chuyện những cái móng vuốt, mà cháu từng lấy làm khó chịu, lẽ ra đã có thể làm cháu mỉm lòng... (...)

- Cháu đã không biết cách hiểu chuyện! Đáng lẽ cháu phải đánh giá bạn ấy qua hành động chứ không phải qua lời nói. Bạn ấy đã toả hương và chiếu sáng đời cháu. Cháu không nên trốn chạy! Lẽ

ra cháu phải thấy được sự dịu dàng bên trong những trò kiêu kì
ngây ngô của bạn ấy.

**Les fleurs sont si contradictoires ! Mais j'étais trop jeune pour
savoir l'aimer."**

Các bông hoa thật là mâu thuẫn! Nhưng cháu đã còn quá trẻ để
biết cách yêu thương bạn ấy.